

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18 -8-2020

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Chơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Mộng Lành và ông Bùi Minh Cảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Ông Trần Khánh Trường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Mộng T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phan Trường A**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Huỳnh Mộng T trình bày như sau:*

Chị T và anh A kết hôn với nhau vào năm 2013 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/02/2013.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã có hàn gắn hạnh phúc nhưng đến nay vẫn không dung hòa được, ngoài ra anh A có tính bạo lực gia đình hành hung chị T, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoản 03 năm nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị T xin ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là cháu Phan Gia P, sinh ngày 15/01/2014, hiện tại đang sống chung với anh An, chị Thu đồng ý giao con chung cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Phan Trường A vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị T.*

*Chứng cứ nguyên đơn cung cấp:* Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao khai sinh của cháu Phan Gia P; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản công chứng). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

*Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết:* Vợ chồng chị T và anh A xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, hiện tại anh chị đã ly thân với nhau, chị T đi làm thuê. Sau khi vợ chồng ly thân thì con chung sống với anh A chị T cũng thường xuyên đến thăm con chung.

### **Tại phiên tòa hôm nay:**

Chị Thu tiếp tục xin ly hôn với anh A, đồng ý giao con chung cho anh A nuôi dưỡng chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị T xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

### *Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) đảm bảo đúng theo quy định, đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh An; đề nghị áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị Thu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, nuôi con chung”.

Tại phiên tòa anh A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh A.

## [2] Về nội dung vụ án:

Chị Thu và anh A chung sống với nhau có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh A vắng mặt, đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Qua lời trình bày của chị T và kết quả xác minh từ địa phương được biết đời sống vợ chồng giữa chị T và anh A đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị thường xuyên cự cãi, bất hòa, anh A có tính bạo lực gia đình, chị T đã khuyên can thì xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng anh A không chấp hành theo giấy mời, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T đều xin được ly hôn. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh A.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Phan Gia P, sinh ngày 15/01/2014. Chị T đồng ý giao con chung cho anh A nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Qua kết quả xác minh từ chính quyền địa phương, cho thấy: Sau khi anh chị ly thân thì cháu Phan Gia P sống chung anh A có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác hiện tại cháu đang học mẫu giáo ở địa phương, trong thời gian sống ly thân thì chị T cũng thường xuyên đến thăm nom con chung. Do đó, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phan Gia P cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng khi nào anh A có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và anh A vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên là có cơ sở chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Mộng T đối với anh Phan Trường A.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Huỳnh Mộng T và anh Phan Trường A.

**2.** Về con chung: Giao cháu Phan Gia P, sinh ngày 15/01/2014 cho anh Phan Trường A nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng khi nào anh A có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung:** Chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và anh A vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

**5. Về án phí:** Chị Huỳnh Mộng T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008518 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Huỳnh Mộng T đã nộp đủ án phí.

**6. Bảo quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 18/8/2020). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ1;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

**Trần Thị Chon**

